

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS - ST

Ngày: 25/01/2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Thanh Tâm.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST – DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2021/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ: L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thúy H – Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 408/GUQ-NHNo.LP ngày 23/6/2021); Địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1979; bà Dương Thúy N, sinh năm: 1982; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2021, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 24 tháng 12 năm 2018 bà N và Ngân hàng đi đến thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 365445162/HĐTD, hạn mức tín dụng 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn hạn mức tín dụng 12 tháng. Mục đích vay vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh đời sống. Cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của

Chính Phủ, tài sản dùng để vay vốn là bản chính quyền sử dụng đất số CA 204823, số vào sổ cấp GCN: CH 01154 do UBND huyện L cấp ngày 02/11/2015; Thửa đất số: 1303; Tờ bản đồ số: 03; Diện tích thửa đất: 924,2 m²; Đất ở 40,0 m², đất trồng cây lâu năm 884,2 m²; Địa chỉ thửa đất: ấp Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Vay không có tài sản bảo đảm. Ngày 24/12/2018 nhận nợ 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), hạn trả 24/12/2023. Đến 31/05/2021 tại hợp đồng tín dụng số 365 445 162/HĐTD bà Dương Thúy N còn nợ Agribank Chi nhánh huyện L - Phòng Giao dịch Đ tổng số tiền: 113.414.668 đồng (Một trăm mười ba triệu, bốn trăm mười bốn ngàn, sáu trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 89.600.000 đồng (Tám mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng) và nợ lãi vay tạm tính đến 31/05/2021 là 23.814.668 đồng (Hai mươi ba triệu, tám trăm mười bốn ngàn, sáu trăm sáu mươi tám đồng).

Ngày 24 tháng 12 năm 2018 ông Nguyễn Chí D và Ngân hàng đi đến thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 365240453/HĐTD, hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn hạn mức tín dụng 12 tháng. Mục đích vay vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh đời sống. Cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính Phủ, tài sản dùng để vay vốn là bản chính quyền sử dụng đất số BX 642565, số vào sổ cấp GCN: CH 01105 do UBND huyện L cấp ngày 04/06/2015; Thửa đất số: 923; Tờ bản đồ số: 03; Diện tích thửa đất: 6162,9 m²; Đất ở 40,0m², đất chuyên trồng lúa nước 884,2m²; địa chỉ thửa đất: ấp T, xã T, huyện L, Sóc Trăng. Vay không có tài sản bảo đảm. Ngày 24/12/2018 nhận nợ 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng), hạn trả 24/12/2023. Đến 31/05/2021 tại hợp đồng tín dụng số 365 240 453/HĐTD ông Nguyễn Chí D còn nợ Agribank Chi nhánh L - Phòng Giao dịch Đ tổng số tiền: 41.326.340 đồng (Bốn mươi một triệu, ba trăm hai mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi đồng), trong đó nợ gốc 33.600.000 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng) và nợ lãi vay tạm tính đến 31/05/2021 là 7.726.340 đồng (Bảy triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi đồng).

Theo đơn khởi kiện ngân hàng yêu cầu Tòa án: Buộc bà Dương Thúy N và ông Nguyễn Chí D hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam do Agribank - Chi nhánh huyện L đại diện nhận tổng số tiền 155.956.131 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm ba mươi một đồng), trong đó nợ gốc 123.200.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) và nợ lãi vay tạm tính đến 31/05/2021 là: 32.756.131 đồng (Ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn một trăm ba mươi một đồng) và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Dương Thúy N hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng N do Agribank – Chi nhánh huyện L đại diện nhận tổng số tiền 119.868.323 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 89.600.000 đồng (tám mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 30.268.323 đồng (ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng) và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc. Khi bà N thanh toán đầy đủ số tiền gốc lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng đồng ý giao trả lại bản chính quyền sử dụng

đất số CA 204823, số vào sổ cấp GCN: CH 01154 do UBND huyện L cấp ngày 02/11/2015.

Buộc ông Nguyễn Chí D hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng Ndo Agribank – Chi nhánh huyện L đại diện nhận tổng số tiền 44.961.584 đồng (bốn mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 11.361.584 đồng (mười một triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng) và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc. Khi ông D thanh toán đầy đủ số tiền gốc lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng đồng ý giao trả lại bản chính quyền sử dụng đất số BX 642565, số vào sổ cấp GCN: CH 01105 do UBND huyện L cấp ngày 04/06/2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Dương Thúy N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 119.868.323 đồng, trong đó trong đó nợ gốc 89.600.000 đồng, nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 30.268.323 đồng và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc. Buộc ông Nguyễn Chí D hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam do Agribank – Chi nhánh huyện L đại diện nhận tổng số tiền 44.961.584 đồng (bốn mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 11.361.584 đồng (mười một triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng) và lãi phát sinh khi trả xong nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Chí D và bà Dương Thúy N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xét xử vắng mặt ông D và bà N.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn bà Dương Thúy N hoàn trả nợ gốc 89.600.000 đồng (tám mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng) và lãi phát sinh khi trả xong nợ gốc. Buộc ông Nguyễn Chí D trả số nợ gốc 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng) lãi phát sinh khi trả xong nợ gốc. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được HĐXX xem xét như sau:

[3] Ngân hàng N yêu cầu bà Dương Thúy N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 119.868.323 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 89.600.000 đồng (tám mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 30.268.323 đồng (ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng N có cung cấp các Bản sao hợp đồng tín dụng số 365445162/HĐTD ngày 24/12/2018, phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, giấy nhận nợ, (Bút lục 03, 04, 05, 06, 07) thể hiện chữ ký của bà N ở bên vay. Quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà N không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh. nên Hội đồng xét xử khẳng định bà N đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì bà N không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc bà N không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, bà N là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà N hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 89.600.000 đồng (tám mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng), là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 7 hợp đồng tín dụng số 365445162/HĐTD ngày 24/12/2018 thì Ngân hàng và bà N đã giao kết mức lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, nên bà N phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số: 365445162/HĐTD ngày 24/12/2018 với số tiền lãi là 30.268.323 đồng. (ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng).

Như vậy, bị đơn bà Dương Thúy N có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền vay gốc là 119.868.323 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 89.600.000 đồng (tám mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 30.268.323 đồng (ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng) và lãi phát sinh cho đến khi hoàn trả xong nợ gốc.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giao trả lại bản chính quyền sử dụng đất số CA 204823, số vào sổ cấp GCN: CH 01154 do UBND huyện L cấp ngày 02/11/2015 khi bà N hoàn tất việc thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Chí D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 44.961.584 đồng (bốn mươi bốn triệu, chín trăm sáu

mười một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 11.361.584 đồng (Mười một triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc, được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng N có cung cấp các Bản sao hợp đồng tín dụng số 365240453/HĐTD ngày 24/12/2018, phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, giấy nhận nợ, (Bút lục 16, 17, 18, 19, 20) thể hiện chữ ký của ông D ở bên vay. Quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông D không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh. nên Hội đồng xét xử khẳng định ông D đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông D không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc ông D không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà N hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 33.600.000 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng), là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 7 hợp đồng tín dụng số 365445162/HĐTD ngày 24/12/2018 thì Ngân hàng và ông D đã giao kết mức lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay, nên bà N phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, ông D phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số: 365240453/HĐTD ngày 24/12/2018 với số tiền lãi là 11.361.584 đồng (Mười một triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng).

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Chí D có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền vay gốc là 33.600.000 đồng (Ba mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 11.361.584 đồng (Mười một triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng) và lãi phát sinh cho đến khi hoàn trả xong nợ gốc.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giao trả lại bản chính quyền sử dụng đất số BX 642565, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01105 do UBND huyện L cấp ngày 04/06/2015 khi ông D hoàn tất việc thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Dương Thúy N phải chịu 5.993.416 đồng (Năm triệu

chín trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn ông Nguyễn Chí D 2.248.079 đồng (Hai triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, không trăm bảy mươi chín đồng) nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:

Buộc bị đơn bà Dương Thúy N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 119.868.323 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 89.600.000 đồng (tám mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 30.268.323 đồng (ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi ba đồng) và bà N còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/01/2022 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Buộc ông Nguyễn Chí D có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền vay gốc 44.961.584 đồng (bốn mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc 33.600.000 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày xét xử là 11.361.584 đồng (Mười một triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm tám mươi tư đồng) và ông D còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/01/2022 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giao trả lại bản chính quyền sử dụng đất số CA 204823, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01154 do UBND huyện L cấp ngày 02/11/2015 khi bà N hoàn tất việc thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giao trả lại bản chính quyền sử dụng đất số BX 642565, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01105 do UBND huyện L cấp ngày 04/06/2015 khi ông D hoàn tất việc thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Dương Thúy N phải chịu 5.993.416 đồng (Năm triệu, chín trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm mười sáu đồng).

Buộc ông Nguyễn Chí D 2.248.079 đồng (Hai triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn, không trăm bảy mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.898.903 đồng (Ba triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, chín trăm lẻ ba đồng) theo biên lai thu số 0009270 ngày 21/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà